

Giải pháp nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Dương Thị Kim Huệ, Ngô Thị Mây Ước*

*ThS. Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Received: 17/4/2024; Accepted: 26/4/2024; Published: 3/5/2024

Abstract: Presentation is one of the necessary skills for students, helping students in the learning process as well as work after graduation. According to the results of a survey of 200 students at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry, we realize that awareness of students' presentation skills and presentation capacity is still limited. The main reason is that students themselves are not proactive in practicing their presentation skills. In order to help students at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry improve their presentation skills, we have offered solutions from lecturers, students and the University. The article is meaningful in teaching and management in training at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry in particular and university training in general.

Keywords: Student, presentation, presentation skills, presentation skill practice, Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng thuyết trình (KNTT) là một trong những chìa khóa giúp sinh viên (SV) thành công trong môi trường học tập và sau khi ra trường. Tìm hiểu về KNTT của SV Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, chúng tôi nhận thấy nhận thức về KNTT và năng lực thuyết trình (NLTT) của SV còn nhiều hạn chế.

Để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao KNTT cho SV Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, tác giả lấy ý kiến của 200 SV từ năm thứ nhất tới năm thứ 4 ở các ngành học của trường. Các phương pháp được sử dụng là: điều tra bằng phiếu hỏi, thống kê mô tả, chọn mẫu nghiên cứu, nghiên cứu tài liệu, phân tích, tổng hợp. Bài viết dựa trên kết quả phiếu điều tra về KNTT của SV Trường Đại học Nông Lâm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Yếu tố ảnh hưởng tới KNTT của SV Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Một là, phương thức đào tạo theo tín chỉ được thực hiện ở Trường Đại học Nông Lâm hiện nay đã góp phần nâng cao NLTT của SV. Hình thức tổ chức dạy học trong phương thức đào tạo tín chỉ qui định hoạt động tự học của SV như một thành phần bắt buộc trong thời khóa biểu, là nội dung quan trọng đánh giá kết quả học tập. Chính vì vậy, giảng viên (GV) yêu cầu SV học với rất nhiều cách thức khác nhau, trong đó thường xuyên giao chủ đề theo nhóm và yêu cầu thuyết trình (TT) trong các buổi lên lớp để lấy điểm thành phần của môn học. Như vậy, kiến

thức của môn học được phát triển thông qua những tìm tòi của người học dưới sự hướng dẫn của GV, thông qua việc TT chuyên đề trong quá trình học. Điều này bắt buộc SV phải rèn luyện KNTT tốt.

Hai là, KNTT đã được xây dựng thành một phần trong nội dung môn học KN mềm (03 tín chỉ) trong chương trình đào tạo của nhà trường. Trong quá trình học tập, SV được GV hướng đến mục tiêu cải thiện KNTT, tăng khả năng tương tác với đám đông và trang bị những KN cơ bản khác.

Ba là, đặc điểm của SV Trường Đại học Nông Lâm. Trình độ đầu vào của SV không có sự đồng đều. Nhiều SV là con em đồng bào dân tộc thiểu số, bước đầu tiếp cận với cách thức học ở đại học, làm quen với TT nên còn nhiều bỡ ngỡ. Điều này ảnh hưởng rất lớn tới tình hình học tập, kết quả học tập nói chung và KNTT của SV nhà trường nói riêng.

2.2. Kết quả điều tra về khả năng TT của SV Trường Đại học Nông Lâm

Điều tra trên SV Trường Đại học Nông Lâm trong năm 2023 về khả năng TT cho kết quả như sau:

Bảng 2.1: Hiểu biết của SV về KNTT

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
- Đã nghe đến nhưng chưa hiểu rõ	40	20
- Hiểu nhưng chưa ứng dụng vào thực tế	122	61
- Hiểu và áp dụng vào thực tế một cách hiệu quả	20	10
- Chưa tìm hiểu bao giờ	18	9
Tổng	200	100

Bảng 2.1 cho thấy, số SV hiểu và áp dụng hiệu

quả KNTT không nhiều, có 10%. Số SV hiểu nhưng chưa áp dụng vào thực tế còn nhiều (61%), đã nắm được các bước tiến hành TT cũng như các yêu cầu về TT nhưng do tâm lý e ngại, sợ sai hoặc chưa tìm thấy đề tài phù hợp. Bên cạnh đó, các bạn SV khóa mới, do tính chất học theo kiểu chỉ dẫn của THPT nên chưa có điều kiện tìm hiểu về KNTT.

Bảng 2.2: Nhận thấy mức độ cần thiết của KNTT đối với bản thân SV

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
- Rất cần thiết	90	45
- Cần thiết	102	51
- Bình thường	8	4
- Không cần thiết	0	0
Tổng	200	100

Bảng 2.2 cho thấy, tất cả SV đều nhận thức được sự cần thiết của KNTT, trong đó có 45% SV cho rằng là rất cần thiết, 51% SV cho rằng cần thiết và 4% chọn mức độ bình thường. Nhận thức này vô cùng quan trọng, bởi lẽ chỉ khi bản thân SV nhận thấy được sự cần thiết của KNTT thì mới có nhu cầu và động lực để tìm hiểu và trang bị cho mình KNTT.

Bảng 2.3: SV tự đánh giá KNTT của bản thân

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
- Rất tốt	02	01
- Tốt	04	02
- Khá	20	10
- Trung bình	35	17,5
- Yếu	95	69,5
Tổng	200	100

Bảng 2.3 cho thấy, đa số SV tự nhận thấy KNTT của bản thân còn yếu (69,5%), đánh giá ở mức độ trung bình là 17,5%, đánh giá ở mức độ khá là 10%, đánh giá ở mức độ tốt là 2%, và chỉ có 1% SV nhận thấy KNTT của mình ở mức rất tốt. Điều này phản ánh thực tế về NLTT của SV Trường Đại học Nông Lâm còn rất hạn chế. Đó là lý do của sự cần thiết phải đặt ra và nghiên cứu tìm giải pháp nâng cao NLTT của SV Trường Đại học Nông Lâm.

Bảng 2.4: Cơ sở để SV thực hiện TT

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
- Thực hiện TT bằng tham gia khóa học TT	05	2,5
- Thực hiện TT bằng học hỏi GV và bạn bè	92	46
- Thực hiện TT bằng bản năng	103	51,5
Tổng	200	100

Bảng 2.4 cho thấy việc TT trở nên quen thuộc với SV, song thực tế nhiều SV thường TT một cách “bản năng” (chiếm 51,5%) hoặc chủ động mô phỏng theo GV hay bạn bè chứ chưa được đào tạo dẫn đến thói quen học thuộc lòng – nhớ – đọc lại trở thành phổ biến (chiếm 46%). Việc SV thực hiện TT bằng học

hỏi GV và bạn bè, điều này phụ thuộc và tùy năng lực học hỏi của mỗi SV nên không phải SV nào học hỏi từ người bên cạnh cũng tốt. Đa số SV đều cảm thấy sợ khi TT trước đám đông. Có 2,5% SV thực hiện TT bằng tham gia khóa học TT, đây là con số rất khiêm tốn, đặt ra vấn đề có nên mở các khóa học TT hay không.

Kết quả điều tra cho thấy KNTT của SV Trường Đại học Nông Lâm còn nhiều hạn chế. SV nhận thức được tầm quan trọng của KNTT đối với bản thân trong quá trình học tập cũng như trong tương lai sau khi ra trường, tuy nhiên còn ít cơ hội và chưa tạo cơ hội để tìm hiểu và thực hiện KNTT thường xuyên trong quá trình học tập và rèn luyện. Chính vì vậy cần đặt ra yêu cầu đối với nhà trường, GV và SV về việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao KNTT cho SV.

2.3. Những giải pháp nhằm nâng cao KNTT cho SV trường Đại học Nông Lâm

2.3.1. Về phía GV

Trong quá trình dạy học một môn học thì GV nên có sự thay đổi phương pháp giảng dạy. GV nên để SV nói nhiều hơn; tổ chức học tập theo nhóm và giữa các nhóm phải có sự tranh luận tích cực.

- Hãy để SV làm chủ buổi TT. GV chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn xuyên suốt của buổi TT. Khi kết thúc buổi TT, GV cần đưa ra một bảng đánh giá rõ ràng để rút kinh nghiệm về các buổi TT sau đó.

- GV đưa các trò chơi mang tính chất rèn luyện KNTT vào môn học. Mục đích là tạo sự tự tin trong phong cách diễn đạt cho SV, giúp SV nhận định được vấn đề trọng tâm của môn học. Các trò chơi có thể với các chủ đề như: Đưa ra một nhân định và thuyết phục đối phương; Phong cách nói chuyện thu hút.

2.3.2. Về phía SV

Thứ nhất, cần cải thiện tác phong khi TT

- Về trang phục: Đối với nam SV, trang phục thích hợp là quần tây sẫm màu, có thắt lưng, áo sơ mi dài tay có cài khuy, giày tây hoặc dép có quai hậu, có thể thêm cả vạt để tăng phần sang trọng. Đối với nữ SV thì cũng quần tây áo sơ mi như nam, hoặc váy áo vét cho sang trọng.

- Về phong thái xuất hiện: Đi chậm rãi, kiểm soát từng di chuyển, khi ra đến sân khấu thì đứng thẳng người vì đó là tư thế thể hiện bản tự tin nhất.

- Về thái độ hành vi: SV cần có hiểu biết về ngôn ngữ cơ thể trong TT và phải luyện tập trước khi TT. Ngôn ngữ cơ thể phải hòa quyện với suy nghĩ và lời nói khi TT. Ánh mắt nhìn bao quát khán phòng, có thể dừng lại ở cá nhân nào đó, sự giao tiếp cá nhân bằng mắt trong thời gian vừa phải 15 giây. Nét mặt

phải có sự biểu cảm, không cười nhưng vẫn tươi. Động tác tay không buông thẳng, cũng không vung quá nhiều. Di chuyển qua lại nên có để tạo sự thu hút nơi khán giả.

Thứ hai, cần cải thiện nội dung TT

- Về đề tài nghiên cứu: Nếu có cơ hội được tự chọn thì hãy chọn đề tài có tính thời sự, thiết thực, mới lạ, độc đáo.

- Về bố cục trình bày: Nhất thiết phải lập cho được đề cương tuân theo quy định. Đề cương càng chi tiết càng tốt. Nếu là TT nhóm thì đề cương cần được nhóm thông qua. Sau đó, cần chuyển cho GV xem và nhận xét.

Cần chú trọng phần mở đầu và phần kết luận vì là phần tạo ấn tượng ban đầu và ấn tượng sau cùng. Chủ đề TT phải xuất hiện ngay trong phần mở đầu. Có thể sử dụng một trong những cách thông dụng để mở đầu: bằng một câu chuyện, mượn lời của một danh nhân, đặt một câu hỏi, khơi gợi tính tò mò của khán thính giả,

Phần nội dung thì chú ý trình tự lô gíc bài TT gồm đặt vấn đề, cơ sở lý thuyết áp dụng, khai triển, phân tích, đánh giá vấn đề, giải pháp giải quyết vấn đề.

Phần kết thúc có thể áp dụng một số hình thức: tóm tắt ý trong bài, đưa ra một lời khuyên, khuyến khích một hành động, đặt ra một câu hỏi cho khán thính giả, phác họa một tương lai vui vẻ, mở rộng vấn đề.

Thứ ba, cần cải thiện sử dụng công cụ trình chiếu và các yếu tố tác động bên ngoài

- Công cụ PowerPoint: Số lượng trang chiếu vừa đủ, tương ứng thời lượng TT, TT 30 phút thì số trang chiếu 25-30.

Kích thước chữ to bảo đảm tất cả khán giả đều thấy rõ, cỡ 30-40 tùy loại phông chữ. Phông chữ nên chọn không chân sẽ dễ nhìn hơn, nên dùng Arial, VNI-Helve. Số dòng và số chữ vừa phải. Một trang chiếu nhiều lắm chỉ 6 dòng, mỗi dòng không quá 6 từ. TT viên phải xem trang chiếu như là công cụ gợi nhớ và tạo sinh động chứ không phải là bài viết để nhìn mà đọc, cho nên cần hiểu kỹ phần trình bày để tránh quên, dẫn đến lúng túng phải đọc từng từ trên trang chiếu.

Tránh sử dụng các hiệu ứng gây rối mắt. Các hình ảnh nên vừa phải và có sự chọn lọc cho phù hợp nội dung, không nên sử dụng những hình ảnh có sẵn, cố gắng sử dụng những hình ảnh tự tạo, có liên quan đến cá nhân, tập thể nhóm TT. Có thêm các đoạn phim, hoạt cảnh, tiểu phẩm tự thực hiện thì TT sẽ sinh động, hấp dẫn hơn.

Nên lưu giữ tập tin trình chiếu ít nhất hai nơi; nếu có điều kiện thì dự phòng máy tính, máy chiếu, mục đích để dự phòng sự cố ngoài ý muốn.

2.3.3. Về phía nhà trường

Thứ nhất, quan tâm đến việc nâng cao chất lượng phòng học, đầu tư các trang thiết bị hỗ trợ như máy chiếu, hệ thống máy tính, âm thanh. Vì trường chưa có các phòng riêng để SV TT nên trong quá trình học tập, các phòng học sẽ được sử dụng làm địa điểm TT. Do đó, phòng học cần được trang bị đầy đủ các trang thiết bị nhằm hỗ trợ hiệu quả cho việc TT và tránh gây ảnh hưởng đến các lớp bên cạnh.

Thứ hai, bổ sung sách, bài nghiên cứu, tài liệu về KN giao tiếp nói chung và KNTT nói riêng cho thư viện trường.

Thứ ba, Đoàn Thanh niên kết hợp nhà trường tổ chức các hội thi về KN mềm để tạo phong trào rèn luyện KN, trong đó có TT. Đoàn Thanh Niên và Hội SV kết hợp thành lập các Câu lạc bộ nhằm tạo cơ hội cho SV được TT thường xuyên, mở các lớp học về TT hoặc buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm TT.

3. Kết luận

Những vấn đề trên cho thấy KNTT của SV Trường Đại học Nông Lâm còn nhiều hạn chế. Nhiều SV còn chưa hiểu về TT, chưa nhận thức được tầm quan trọng của KNTT đối với bản thân, chưa tham gia TT thường xuyên và chủ yếu thực hiện TT bằng bản năng. Từ đó, chúng tôi đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng TT cho SV Trường Đại học Nông Lâm. Những giải pháp này mang tính khả thi, có thể áp dụng được không chỉ với SV Trường Đại học Nông Lâm mà còn áp dụng cho SV nói chung trong điều kiện đào tạo theo tín chỉ hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Tuấn Anh (2013), *KNTT- một nội dung giáo dục cần thiết cho SV đại học*, Tạp chí đại học Thủ Dầu Một, số 1/2013, tr27-32
- [2]. Trịnh Thị Nguyệt Anh, Dương Thị Thục (2017), *Một vài đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả môn học TT dành cho SV chương trình kỹ sư chất lượng cao tại Đại học Bách Khoa Hà Nội*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, Tháng 4/2017, Tr189, 190, 199.
- [3]. Vi Văn Hương (2019), *Các bước rèn luyện KNTT bằng tiếng Anh cho học sinh, SV không chuyên*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, Tháng 10/2019, Tr244-249
- [4]. Nguyễn Thị Thu Trang (2019), *Thực trạng KNTT của SV sư phạm Trường Đại học Đồng Nai*, Tạp chí khoa học – Đại học Đồng Nai, số 13/2019, tr9-19.